TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 119/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 12 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Kiều Thị T, sinh năm 1983;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện T, thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57,81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Kiều Thị Thủy và anh Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị Kiều Thị Thủy và anh Nguyễn Văn S có hai con chung là Nguyễn Tiến N, sinh ngày 06/5/2006 và cháu Nguyễn Hà C, sinh ngày 06/6/2012. Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà C; giao anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến N cho đến khi cháu C, cháu N đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Chị T, anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

2.2.Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh S tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh S đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung: Chị T, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AB/2014/07169 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND, THADS huyện T;
- UBND xã H, T;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy